

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 02 – 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm
Ông Nguyễn Hoàng Kha

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 25 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 415/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Trương Mộng N, sinh ngày: 01/01/1989. CCCD số 096189013263. Địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

* **Bị đơn:** Ông Lý Chí T, sinh ngày: 20/8/1978. CCCD số 096078021968; Địa chỉ: Số 288A, Lý Thường Kiệt, khóm 16, phường T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 14/01/2026, bản tự khai, nguyên đơn bà Trương Mộng N trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Lý Chí T kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2025 tại Ủy ban nhân dân xã Trần Phán, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng, do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Trương Mộng N yêu cầu ly hôn với ông Lý Chí T.

- Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 26/01/2026, ông Lý Chí T trình bày:* Về thời gian và nơi đăng ký kết hôn đúng như bà N trình bày. Ông đồng ý ly hôn. Trong quá trình chung sống không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Trương Mộng N và ông Lý Chí T kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 08/12/2025 tại Ủy ban nhân dân xã Trần Phán, tỉnh Cà Mau, đúng quy định của pháp luật. Bà N yêu cầu ly hôn với ông T. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với bà Trương Mộng N có đơn yêu cầu không hòa giải vụ án và yêu cầu xét xử vắng mặt bà. Đối với ông Lý Chí T đã trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà N và có đơn yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt ông T. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T theo quy định tại Điều 207, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà N và ông T có đăng ký kết hôn ngày 08/12/2025 tại Ủy ban nhân dân xã Trần Phán, tỉnh Cà Mau. Nay bà N yêu cầu ly hôn do bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn, bà N xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T. Ông T không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ hôn nhân và thống nhất ly hôn với bà N. Xét thấy mối quan hệ hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn, cả hai không còn chung sống vợ chồng, không ai quan tâm ai, thể hiện hôn nhân của ông T và bà N đã có mâu thuẫn, mục đích hôn nhân của ông, bà không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà N và ông T đều thống nhất xác định không có con chung, không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông T đều thống nhất xác định không có tài sản chung và không có nợ chung. Đến nay không có cá nhân tổ chức nào yêu cầu trách nhiệm trả nợ của ông T và bà N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà N phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Trương Mộng N được ly hôn với ông Lý Chí T.

Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Trương Mộng N phải nộp. Ngày 16/01/2026 bà Trương Mộng N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000583 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND KV1-Cà Mau;
- UBND xã Trần Phán, tỉnh Cà Mau,
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu